

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN
CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN
VÀ CÔNG TY CON**

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 4
Báo cáo kiểm toán hợp nhất	5 - 6
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Viễn Thông Sài Gòn và Công ty con, dưới đây gọi là Tập đoàn cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000992 ngày 14 tháng 05 năm 2002 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, thay đổi lần thứ 12 ngày 03 tháng 07 năm 2009.

Trụ sở hoạt động của Công ty : Lô 46 Công viên Phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh.

Hệ thống các chi nhánh trực thuộc Công ty:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn tại Bắc Ninh: thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 21.13.000043 ngày 09 tháng 09 năm 2004 (Đăng ký thay đổi lần 1 - ngày 27 tháng 07 năm 2007).

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

- Chi nhánh Tân Tạo – Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4113026781 ngày 04 tháng 04 năm 2007.

Địa chỉ: Lô 9, Đường C, KCN Tân Tạo, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Mua bán máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, vật tư - thiết bị bưu chính viễn thông (phải thực hiện theo quy định của pháp luật).
- Mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin.
- Tư vấn kỹ thuật ngành tin học.
- Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.
- Sản xuất, mua bán phần mềm.
- Dịch vụ tin học: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính.
- Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).
- Đào tạo dạy nghề.
- Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet tại trụ sở).
- Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.
- Tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật.
- Dịch vụ chuyển giao công nghệ.
- Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35KV.

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Dịch vụ giao nhận hàng hoá, cho thuê kho bãi.
- Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê).
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khu vui chơi giải trí tại Tp. Hồ Chí Minh).
- Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến, trò chơi điện tử (không tổ chức cho khách truy cập Internet tại trụ sở).
- Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản).
- Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.
- Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.
- Dịch vụ giao nhận hàng hoá.
- Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (không kinh doanh đại lý truy nhập - truy cập internet tại trụ sở).
- Môi giới thương mại
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển
- Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng Internet .
- Quảng cáo thương mại. Mua bán thẻ các loại. Môi giới thương mại. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Sản xuất, gia công, mua bán, tư vấn phần mềm vi tính.
- Mua bán thiết bị ngành Ngân Hàng. Mua bán máy tính, thiết bị điện – điện tử, vật tư, thiết bị ngành bưu chính viễn thông, máy móc, thiết bị ngành viễn thông – tin học.
- Mua bán, lắp đặt thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ ngành thông tin.
- Tư vấn kỹ thuật ngành tin học, thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng vi tính, dịch vụ chuyển giao công nghệ, lắp đặt sửa chữa bảo trì máy tính.
- Lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông – tin học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
- Nghiên cứu, phát triển, cung ứng dịch vụ, giải pháp công nghệ tin học trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng. Phát triển, cung ứng giải pháp công nghệ phục vụ thương mại điện tử và hỗ trợ thanh toán điện tử.

2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Tập đoàn đang tại chức đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Thành Tâm : Chủ tịch HĐQT

Ông Chung Trí Phong : Ủy viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ông Nguyễn Vinh Thọ : Ủy viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Thu Hương : Ủy viên HĐQT

Ông Đặng Nhật : Ủy viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Thị Phương Thủy : Trưởng Ban kiểm soát

Ông Lê Chí Cường : Thành viên

Ông Nguyễn Văn Xuân : Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Đặng Thị Hoàng Phượng : Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Ngọc Huy : Phó Tổng Giám đốc – Kiêm Giám đốc CN Bắc Ninh

Bà Nguyễn Thị Thu Hương : Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đồng : Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Tuyên : Phó Tổng Giám đốc

Ông Đào Hùng Tiến : Phó Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Sĩ Hóa : Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Ly : Tổng Giám đốc Công ty CP DV Trực Tuyến Cộng Đồng Việt

Bà Hoàng Thị Lan Hương : Giám đốc CN Tân Tạo

Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Mỹ Hạnh : Kế toán trưởng Công ty

Ông Phạm Phúc Hiếu : Kế toán trưởng CN Bắc Ninh

Bà Lê Thị Xuân Lài : Kế toán trưởng CN Tân Tạo

Bà Lê Thị Thu Hằng : Kế toán trưởng Công ty CP DV Trực Tuyến Cộng Đồng Việt

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ NĂM 2009

Ban Tổng Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP.Hồ Chí Minh (AISC)

- Lãi (Lỗ) sau thuế TNDN: 80.962.790.678 VND

Trong đó, Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số 1.755.489 VND

Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ 80.961.035.189 VND

4. KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Tập đoàn.

5. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

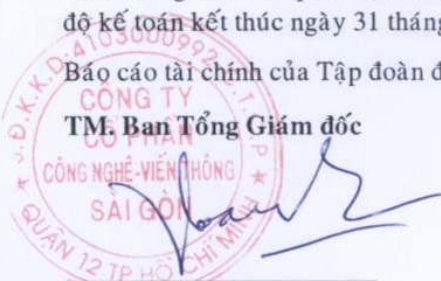
- Trước khi các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập, Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Tập đoàn đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến thời điểm lập báo cáo hợp nhất này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.
- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Tập đoàn kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Tập đoàn sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Tập đoàn, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Tập đoàn bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.
- Các hoạt động trong năm của Tập đoàn được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

6. XÁC NHẬN

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính của Tập đoàn được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TM. Ban Tổng Giám đốc



HOÀNG SĨ HOÁ

Phó Tổng Giám đốc

Tp Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2010



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: aisc@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 0709281-HN/AISC-DN1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Viễn Thông Sài Gòn và Công ty con**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập ngày 08 tháng 02 năm 2010 của Công ty Cổ phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn và Công ty con, dưới đây gọi là Tập đoàn, từ trang 7 đến trang 37 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Báo cáo tài chính hợp nhất không bao gồm số liệu của các công ty con được nêu tại Thuyết minh báo cáo tài chính mục V.8.1, do các công ty này mới thành lập và đang trong giai đoạn triển khai hoạt động.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và những chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những xét đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên



Phạm Thị Hồng Uyên
Chứng chỉ KTV số: 0794/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2010



Tổng Giám Đốc

Phạm Văn Vinh
Chứng chỉ KTV số: Đ0112/KTV
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		992.650.671.707	216.606.801.616
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	449.394.384.803	14.177.156.116
1. Tiền	111		428.234.384.803	14.177.156.116
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.160.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	40.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	40.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	252.945.146.134	121.198.882.365
1. Phải thu khách hàng	131	V.3.1	18.675.116.660	43.678.713.552
2. Trả trước cho người bán	132	V.3.2	50.268.504.183	3.192.686.968
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3.3	184.001.525.291	74.327.481.845
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	253.245.952.781	20.898.934.585
1. Hàng tồn kho	141		253.245.952.781	20.898.934.585
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	37.065.187.989	20.331.828.550
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5.1	529.427.063	188.295.202
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.5.2	30.339.133.762	11.647.201.185
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5.3	6.196.627.164	8.496.332.163
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.025.392.383.391	1.002.210.040.756
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
3. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
II. Tài sản cố định	220	V.6	321.695.790.753	235.385.512.379
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.1	45.195.661.722	47.994.345.921
- Nguyên giá	222		57.517.333.598	56.459.152.376
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.321.671.876)	(8.464.806.455)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6.2	1.270.461.437	1.500.062.213
- Nguyên giá	228		1.557.922.812	1.557.922.812
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(287.461.375)	(57.860.599)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7	275.229.667.594	185.891.104.245
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	662.700.525.000	742.290.737.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.8.1	162.360.000.000	135.690.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.8.2	-	52.805.212.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8.3	500.340.525.000	553.795.525.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260	V.9	40.996.067.638	24.533.791.377
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.1	40.287.137.084	23.752.330.450
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.9.2	708.930.554	781.460.927
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.018.043.055.098	1.218.816.842.372

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.257.832.392.425	541.909.562.373
I. Nợ ngắn hạn	310	V.10	623.904.548.057	410.989.954.451
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.1	41.969.000.000	40.693.090.909
2. Phải trả cho người bán	312	V.10.2	348.497.604.344	18.322.264.237
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10.3	5.703.192.870	47.068.857.761
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10.4	12.341.673.680	2.244.794.025
5. Phải trả công nhân viên	315		528.802.091	1.673.343.617
6. Chi phí phải trả	316	V.10.5	214.614.910.942	141.510.747.456
7. Phải trả cho các đơn vị nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.10.6	249.364.130	159.476.856.446
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330	V.11	633.927.844.368	130.919.607.922
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.11.1	157.160.300.823	1.449.698.831
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.11.2	476.767.543.545	129.469.909.091
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
4. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		745.205.839.692	673.604.212.507
I. Nguồn vốn, quỹ	410	V.12	744.951.927.176	672.914.053.234
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		672.749.980.000	585.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Cổ phiếu ngân quỹ	413		(3.100.000)	(50.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	-
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		72.205.047.176	87.914.103.234
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	V.13	253.912.516	690.159.273
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		253.912.516	690.159.273
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			15.004.822.981	3.303.067.492
1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		15.004.822.981	3.303.067.492
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.018.043.055.098	1.218.816.842.372

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 2 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG SĨ HÓA

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Tập đoàn Năm 2009	Tập đoàn Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	382.293.107.505	1.084.205.384.924
2. Các khoản giảm trừ	02		-	222.808.042.300
3. Doanh thu thuần	10		382.293.107.505	861.397.342.624
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	296.865.724.805	791.611.355.652
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		85.427.382.700	69.785.986.972
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.114.154.347	21.797.941.382
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.056.608.633	8.842.453.401
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.643.292.418	3.247.616.707
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	33.789.636	171.506.465
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.594.618.902	7.799.225.388
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		85.856.519.876	74.770.743.100
11. Thu nhập khác	31	VI.7	943.916.833	7.439.298.743
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.649.176.837	7.315.005.574
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(705.260.004)	124.293.169
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	33		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		85.151.259.872	74.895.036.269
16. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	4.188.469.194	1.469.285.175
17. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60=50-51)	60		80.962.790.678	73.425.751.094
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		1.755.489	3.067.492
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		80.961.035.189	73.422.683.602
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.287	1.417

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 2 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG SĨ HÓA

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	85.151.259.872	74.895.036.269
2 Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	4.540.083.849	4.034.930.907
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	95.031.151	60.574.816
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.020.900.950)	(21.442.089.295)
- Chi phí lãi vay	06	3.643.292.418	3.247.616.707
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	78.408.766.340	60.796.069.404
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(148.294.412.376)	120.984.146.901
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(232.347.018.196)	164.248.004.031
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	731.081.693.787	(103.587.325.867)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(16.875.938.495)	(23.333.685.191)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.643.292.418)	(3.247.616.707)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(10.849.636.524)	(30.970.257.958)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	603.442.334
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(436.246.757)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	397.043.915.361	185.492.776.947
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(90.396.744.571)	(96.141.596.356)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	228.451.402	7.315.644.445
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(225.500.000.000)	(40.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	40.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(54.085.000.000)	(32.668.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	4.335.212.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.020.900.950	21.442.089.295
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(310.397.180.219)	(140.051.862.616)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN	32	(3.050.000)	(50.000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	398.991.161.745	156.216.090.909
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(50.417.618.200)	(198.272.448.697)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	348.570.493.545	(42.056.407.788)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	435.217.228.687	3.323.931.727
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.177.156.116	10.853.224.389
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	449.394.384.803	14.177.156.116

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 2 năm 2010

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG SĨ HÓA



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000992 ngày 14 tháng 05 năm 2002 (đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 12 ngày 3 tháng 7 năm 2009) do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là: 672.749.980.000 VND

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31/12/2009 là: 672.749.980.000 VND

Trụ sở chính Công ty hiện đặt tại: Lô 46 Công viên Phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

2 Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là:

Mua bán máy vi tính, thiết bị điện - điện tử, vật tư - thiết bị bưu chính viễn thông (phải thực hiện theo quy định của pháp luật).

Mua bán, lắp đặt vật tư, thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ phục vụ ngành thông tin.

Tư vấn kỹ thuật ngành tin học.

Thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng máy tính.

Sản xuất, mua bán phần mềm.

Dịch vụ tin học: lắp đặt, sửa chữa, bảo trì máy tính.

Sản xuất CD-VCD có nội dung được phép lưu hành (không kinh doanh băng đĩa tại trụ sở).

Đào tạo dạy nghề.

Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet tại trụ sở).

Đại lý cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông.

Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp.

Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu kỹ thuật công nghệ tin học.

Tư vấn đầu tư, tư vấn khoa học kỹ thuật.

Dịch vụ chuyển giao công nghệ.

Xây dựng công nghiệp, dân dụng, giao thông, cầu đường, thủy lợi, công trình điện đến 35KV.

Dịch vụ giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi.

Kinh doanh nhà, xưởng (xây dựng, sửa chữa nhà để bán hoặc cho thuê).

Đầu tư, xây dựng, kinh doanh khu vui chơi giải trí (không kinh doanh khu vui chơi giải trí tại Tp. Hồ Chí Minh).

Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến, trò chơi điện tử (không tổ chức cho khách truy cập internet tại trụ sở).

Kinh doanh bất động sản (trừ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản).

Mua bán máy móc, thiết bị ngành viễn thông.

Dịch vụ lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông và tin học.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá.

Dịch vụ giao nhận hàng hoá.

Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu, dịch vụ trao đổi dữ liệu điện tử (không kinh doanh đại lý truy nhập - truy cập internet tại trụ sở).

Môi giới thương mại

Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường biển

Dịch vụ cung cấp thông tin trên mạng Internet .

Quảng cáo thương mại. Mua bán thẻ các loại. Môi giới thương mại. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.

Sản xuất, gia công, mua bán, tư vấn phần mềm vi tính.

- Mua bán thiết bị ngành Ngân Hàng. Mua bán máy tính, thiết bị điện – điện tử, vật tư, thiết bị ngành bưu chính viễn thông, máy móc, thiết bị ngành viễn thông – tin học. Mua bán, lắp đặt thiết bị truyền dẫn, đầu nối, thiết bị bảo vệ ngành thông tin. Tư vấn kỹ thuật ngành tin học, thiết kế, lắp đặt hệ thống mạng vi tính, dịch vụ chuyển giao công nghệ, lắp đặt sửa chữa bảo trì máy tính. Lắp đặt, sửa chữa, bảo hành thiết bị viễn thông – tin học (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). Nghiên cứu, phát triển, cung ứng dịch vụ, giải pháp công nghệ tin học trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng. Phát triển, cung ứng giải pháp công nghệ phục vụ thương mại điện tử và hỗ trợ thanh toán điện tử.

3 Công ty con

Tổng số các Công ty con: 03 đơn vị

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1 đơn vị

Công ty Cổ Phần Dịch vụ Trực Tuyến Cộng Đồng Việt

Địa chỉ: 65-65A Đường 3/2, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty là 40.000.000.000 VND, trong đó vốn góp của Công ty cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn là 22.000.000.000 VND chiếm 55% vốn điều lệ.

Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55%

Số lượng các Công ty con chưa được hợp nhất: 02 đơn vị (mới được thành lập, đang trong giai đoạn triển khai hoạt động)

1. Công ty Cổ Phần Truyền Thông VTC - Saigon Tel

Vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 VND, trong đó vốn góp của Công ty cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn là 81.600.000.000 VND chiếm 51% vốn điều lệ.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

2. Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 VND, trong đó vốn góp của Công ty cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn là 120.000.000.000 VND chiếm 60% vốn điều lệ.

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 60%

Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 60%

4 Tổng số công nhân viên

Tổng số Công nhân viên của Tập đoàn là: 195 người.

Trong đó: Nhân viên quản lý: 59 người.

II NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 12.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Công ty mẹ

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Công ty con

Niên độ kế toán sau bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng, qui đổi ngoại tệ

Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 Năm 2006 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán việt nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính và Chuẩn mực số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và Kế toán khoản đầu tư vào công ty con.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính đã lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

3 Hình thức kế toán

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký Chung.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con quan trọng. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của Công ty mẹ và các Công ty con được hợp nhất áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các Công ty con
Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ tập đoàn đã được loại trừ.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 31/12/2009 là 17.941 VND/USD.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: dựa vào đánh giá của Hội đồng quản trị hoặc Ban giám đốc về các khoản nợ có dấu hiệu không có khả năng thu hồi hoặc dựa vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ.

4 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5 Ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận Tài sản cố định: Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Phương pháp khấu hao Tài sản cố định: Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản.

Tỷ lệ khấu hao được áp dụng theo quy định tại Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Thời gian khấu hao được áp dụng tại Công ty cho các nhóm tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Số năm	
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 25	năm
Máy móc, thiết bị	05	năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 15	năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05	năm
Tài sản cố định thuê tài chính	15	năm

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 5 năm.

7 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các công ty được xem là công ty liên kết với công ty khi công ty có vốn chủ sở hữu dài hạn trong các công ty này từ 20% đến dưới 50% (từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết), có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Phương pháp vốn chủ sở hữu là phương pháp kế toán mà khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư sau ngày đầu tư.

8 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư ngắn hạn.

Đầu tư ngắn hạn ghi nhận theo giá gốc. Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn.

9 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn được ghi nhận theo giá gốc. Đầu tư dài hạn của Công ty chủ yếu là các khoản đầu tư vốn vào các tổ chức kinh tế, tổ chức tín dụng với mục tiêu đầu tư chiến lược lâu dài. Theo thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng, đối với các khoản đầu tư dài hạn Công ty sẽ trích lập dự phòng khi xác định được các khoản đầu tư này bị giảm sút giá trị không phải tạm thời và ngoài kế hoạch do kết quả hoạt động của các công ty được đầu tư bị lỗ.

10 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn trong giai đoạn xây dựng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

11 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Chi phí vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong chuẩn mực Chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

12 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

12.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm: chi phí về công cụ, dụng cụ... được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn không quá 12 tháng.

12.2 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: chi phí ban đầu của các dự án, sửa chữa lớn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn từ 01 năm đến 03 năm.

13 Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

14 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác,...

Đối với hoạt động cho thuê đất: Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng và ước tính hợp lý về giá vốn của hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ. Giá vốn hoạt động cho thuê lại đất được tính toán dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã phục vụ cho hoạt động cho thuê lại đất trong kỳ như sau:

Giá vốn hoạt động cho thuê đất	=	Diện tích đất cho thuê trong kỳ	X	Giá vốn/1m ² đất cho thuê theo dự toán đầu tư	X	Tỷ lệ (%) ghi nhận doanh thu trong kỳ so với tổng giá trị thực hiện hợp đồng
--------------------------------	---	---------------------------------	---	--	---	--

Trong đó: Đơn giá dự toán đất cho thuê KCN Đại Đồng Hoàn Sơn là 370.000 đ/m² diện tích đất thương phẩm.

15 Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

16 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng: được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu về các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chuyển giao đất, cho thuê đất đã phát triển cơ sở hạ tầng và cho thuê văn phòng nhà xưởng: được xác định là giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được chiết khấu theo lãi suất chiết khấu có hiệu lực trên thị trường khi đất và đất đã phát triển cơ sở hạ tầng được giao cho khách hàng trên thực tế.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời giá và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia, được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức hay được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

Theo Nghị Định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 về quy định chi tiết thi hành Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp và Thông Tư Hướng dẫn số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài Chính thì Công ty thực hiện các chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Đối với Văn phòng công ty

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 20% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 10 năm kể từ năm 2002 đến 2012, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất 25%.

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 (hai) kể từ năm 2002 đến năm 2003 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 (sáu) năm kể từ năm 2004 đến năm 2009.

Đối với hoạt động kinh doanh phần mềm tại văn phòng công ty thì thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm (kể từ năm 2002 đến năm 2016), sau thời gian ưu đãi áp dụng thuế suất 25%. Công ty được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2002 đến năm 2005), giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2014). Năm 2009 là năm thứ 4 được miễn 50% thuế TNDN.

Đối với Chi Nhánh Bắc Ninh

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 10% thu nhập chịu thuế trong thời hạn 15 năm kể từ năm 2004 đến 2018, thời gian sau ưu đãi áp dụng thuế suất 25%. Đối với hoạt động khác có mức thuế suất là 25%.

- Doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 (bốn) kể từ năm 2004 đến năm 2007 và giảm 50% (năm mươi phần trăm) thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 (chín) năm kể từ năm 2008 đến năm 2016.

Riêng đối với hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng tại Chi Nhánh Bắc Ninh (do Chi nhánh kinh doanh ngành nghề "Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao"), cụ thể:

Hoạt động cho thuê đất: Thuế suất thuế TNDN là 10% cho 15 năm từ khi dự án đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2020), sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 25%, Chi nhánh được miễn thuế TNDN trong vòng 4 năm (từ năm 2006 đến năm 2009), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 9 năm tiếp theo (từ năm 2010 đến năm 2018).

Hoạt động bán nhà xưởng: Thuế suất thuế TNDN là 15% cho 12 năm (từ năm 2006 đến năm 2018) sau thời gian này thuế suất thuế TNDN là 25%, được miễn thuế TNDN trong vòng 3 năm (2006-2008), giảm 50% thuế TNDN trong vòng 7 năm tiếp theo (2009-2015) và được miễn thuế TNDN 30% theo Thông tư 03 năm 2009 theo thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009 hướng dẫn thực hiện giảm, gia hạn nộp thuế TNDN theo Nghị quyết số 30/2008/HQ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ.

Công ty đã chọn phương pháp xác định doanh thu chịu thuế là toàn bộ số tiền bên thuê trả trước cho nhiều năm do vậy theo quy định tại điểm 3 Mục II Phần B Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 thì thu nhập chịu thuế được miễn thuế, giảm thuế bằng (=) tổng thu nhập chịu thuế chia (:) số năm bên thuê trả tiền trước nhân (x) với số năm được miễn thuế, giảm thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Đối với Chi Nhánh Tân Tạo

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 25% thu nhập chịu thuế.

Đối với Công ty con

- Thuế suất thu nhập doanh nghiệp bằng 25% thu nhập chịu thuế.

Cách chính sách thuế khác

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Theo quy định hiện hành, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Các khoản lỗ sau khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được chuyển sang các năm sau theo kế hoạch chuyển lỗ đăng ký với cơ quan thuế.

18 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 Tiền

	31/12/2009	01/01/2009
Tiền mặt tại quỹ	2.369.368.118	5.578.484.572
Tiền gửi Ngân hàng	425.865.016.685	8.598.671.544
Các khoản tương đương tiền	21.160.000.000	-
Tổng cộng	449.394.384.803	14.177.156.116

2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	40.000.000.000
Tổng cộng	-	40.000.000.000

3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
3.1 Phải thu khách hàng		
Công ty điện tử truyền số liệu	2.329.897.419	2.329.897.419
Trung tâm công nghệ phần mềm Đà Nẵng	991.441.839	991.441.839
Ban quản lý Dự án PTHH các Đài TTDH Việt Nam	-	808.797.660
Ngân hàng Thương mại CP Nam Việt	1.258.646.179	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Công ty TNHH SXKD nhà Nhật Minh	787.421.987	910.581.094
Nguyễn Thị Thanh Loan	-	28.224.000.000
Công ty Cổ phần dịch vụ Kinh Bắc	-	6.323.559.036
Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn - Kinh Bắc	3.005.693.075	3.000.000.000
Công ty TNHH Hayakawa Electronics Viet Nam	280.138.500	280.138.500
Công ty Cổ phần Du lịch Sài Gòn	368.595.062	-
Công ty CP Đầu tư Sản xuất TM DV Phong San	7.215.000.000	-
Đối tượng khác	2.438.282.599	810.298.004
Cộng	18.675.116.660	43.678.713.552
3.2 Trả trước người bán		
Công ty TNHH Xây Dựng - Thương Mại Thái Khang	242.700.000	242.700.000
Công ty Tân Thành Vinh	322.503.828	322.503.828
Công ty TNHH DV và QC Tân Danh Nhân	-	834.656.360
Công ty Cổ phần Xây dựng Sài Gòn - Kinh Bắc	1.491.162.780	1.491.162.780
Chi nhánh Công ty Cửu Long tại Bắc Ninh	46.875.002.715	-
Khách hàng khác	1.337.134.860	301.664.000
Cộng	50.268.504.183	3.192.686.968
3.3 Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Kinh Bắc	59.931.174.850	69.853.091.517
Ban Giải phóng mặt bằng Huyện Đan Phượng	3.919.091.328	3.919.091.328
Công ty Cổ Phần Kinh Doanh Thời Trang Việt Nam (*)	120.000.000.000	-
Các đối tượng khác	151.259.113	555.299.000
Cộng	184.001.525.291	74.327.481.845
Tổng Cộng	252.945.146.134	121.198.882.365
3.4 Dự phòng phải thu khó đòi (-)		
Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn	252.945.146.134	121.198.882.365
(*) Khoản góp vốn theo biên bản thoả thuận số 01/BBTT-07 về hợp tác đầu tư xây dựng, khai thác khu trung tâm, văn phòng và nhà ở cao cấp tại 300 A-B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp.Hồ Chí Minh giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh Thời trang Việt Nam và Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn, đang trong giai đoạn hoàn tất thủ tục pháp lý.		
4 Hàng tồn kho		
	31/12/2009	01/01/2009
Nguyên liệu, vật liệu	38.186.402	38.186.402
Hàng hoá	252.551.210.014	15.165.667.656
Chi phí sản xuất dở dang	656.556.365	5.695.080.527
Tổng cộng	253.245.952.781	20.898.934.585
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (-)	-	-
Cộng giá trị thuần hàng tồn kho	253.245.952.781	20.898.934.585

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	31/12/2009	01/01/2009
5 Tài sản ngắn hạn khác		
5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn		
Số đầu năm	188.295.202	103.786.305
Phát sinh trong năm	1.265.722.795	246.122.390
Trừ: Kết chuyển chi phí trong kỳ	924.590.934	161.613.493
Trừ: Kết chuyển giảm khác	-	-
Số cuối năm	529.427.063	188.295.202
5.2 Thuế GTGT được khấu trừ		
Thuế GTGT được khấu trừ	30.339.133.762	11.647.201.185
Cộng	30.339.133.762	11.647.201.185
5.3 Tài sản ngắn hạn khác		
Tạm ứng	3.716.442.868	8.443.332.163
Đào Hùng Tiến	471.536.360	365.765.760
Huỳnh Ngọc Huy	542.000.000	-
Ban Quản lý Dự án	1.040.000.000	7.371.387.508
Phạm Phúc Hiếu	380.484.000	117.000.000
Phạm Ngọc Kiên	284.268.600	-
Đối tượng khác	998.153.908	589.178.895
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.480.184.296	53.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Cộng	6.196.627.164	8.496.332.163
Tổng Cộng	37.065.187.989	20.331.828.550
6 Tài sản cố định hữu hình:		
6.1 Tài sản cố định hữu hình: Xem thuyết minh tại trang 33		
6.2 Tài sản cố định vô hình: Xem thuyết minh tại trang 34		
7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
	31/12/2009	01/01/2009
Dự án nhà xưởng tại Khu Công Nghiệp Tân Phú Trung	64.668.146.617	59.304.241.199
Dự án Công Viên Phần Mềm Thủ Thiêm	4.079.049.203	3.911.171.620
Dự án khu Resort Kon Plong	177.669.589	177.669.589
Dự án 300 A-B Nguyễn Tất Thành	1.476.117.487	1.426.117.487
Dự án tòa nhà ICT 2	219.665.455	-
Dự án KCN Công nghệ Cao Đại Đồng - Hoàn Sơn	202.103.831.576	119.783.383.350
Dự án Cụm Công nghiệp Nam Sông Hồng	2.493.187.667	1.276.521.000
XD cơ bản khu đô thị mới Bắc Tân Lập	12.000.000	12.000.000
Tổng Cộng	275.229.667.594	185.891.104.245

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

8 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2009	01/01/2009
8.1 Đầu tư vào công ty con			
Tên công ty con	Tỷ lệ góp vốn	Chi phí đầu tư	
Công ty Cổ Phần Truyền Thông VTC - Saigon Tel	51%	31.690.000.000	31.690.000.000
Công ty Cổ Phần Dệt may Viễn Thông Sài Gòn Vina		-	104.000.000.000
Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam	60%	130.670.000.000	-
Cộng		162.360.000.000	135.690.000.000

8.2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Chi phí đầu tư
(a) Viện Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn	- 3.005.212.000
(b) Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam	- 49.800.000.000
Cộng	- 52.805.212.000

(a) Công ty Cổ phần công nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SaigonTel) góp vốn đầu tư vào Viện Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn theo Chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ số 134/ĐK-KHCN. Trong năm, Công ty đã rút vốn đầu tư vào Viện Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn theo quyết định của Hội đồng Quản trị số 1201/BB-HĐQT.2009 ngày 01 tháng 12 năm 2009.

(b) Công ty Cổ phần công nghệ Viễn Thông Sài Gòn (SaigonTel) - Đại diện là Ông Đặng Thành Tâm góp vốn đầu tư thành lập Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam với số vốn góp là 49.800.000.000 VNĐ chiếm 40% so với vốn điều lệ của Công ty Viễn Đông. Trong năm, công ty đã mua thêm cổ phần để nắm quyền kiểm soát với tỉ lệ sở hữu là 60%. Do đó, Công ty Cổ phần Địa Ốc Viễn Đông Việt Nam trở thành công ty con từ ngày 05 tháng 07 năm 2009 theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 06/NQDHDĐ 2009 ký ngày 05 tháng 07 năm 2009.

8.3 Đầu tư dài hạn khác

		31/12/2009	01/01/2009
Tên công ty đầu tư dài hạn khác		Chi phí đầu tư	
Công ty CP ĐTXD & VLXD SG		5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Miền Tây		208.050.000.000	208.050.000.000
Công ty CP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn		220.000.000.000	200.000.000.000
Công ty CPĐT & PTHH Khu Công Nghệ Cao Sài Gòn		21.000.000.000	21.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bản Việt		15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần ĐTPT Trường ĐHHV		5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ Phần Dệt may Viễn Thông Sài Gòn Vina		1.000.000.000	16.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác		25.290.525.000	83.745.525.000
Cộng		500.340.525.000	553.795.525.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (-)		-	-
Tổng Cộng		662.700.525.000	742.290.737.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

9 Tài sản dài hạn khác

9.1 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Số dư đầu năm	23.752.330.450	519.735.749
Cộng: phát sinh tăng trong kỳ	23.711.668.572	24.939.880.033
Trừ: kết chuyển chi phí trong kỳ	7.176.861.938	1.707.285.332
Trừ: các khoản giảm trừ khác	-	-
Số dư cuối năm	40.287.137.084	23.752.330.450

9.2 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
Ký quỹ điện thoại quốc tế	-	10.000.000
Taxi Mai Linh	20.000.000	-
Ký quỹ Công ty LD KCN VN - SIN	38.198.250	38.198.250
Ký quỹ ngân hàng	-	88.530.373
Ký quỹ khác	1.000.000	-
Chi tiền đặt cọc làm đại lý Viettel	-	15.000.000
Khoản ký cược dài hạn là tiền đặt cọc thuê nhà.	649.732.304	629.732.304
Cộng	708.930.554	781.460.927
Tổng Cộng	40.996.067.638	24.533.791.377

10 Nợ ngắn hạn

10.1 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Vay ngắn hạn (*)	21.000.000.000	21.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (**)	20.969.000.000	19.693.090.909
Cộng	41.969.000.000	40.693.090.909

Chi tiết các khoản nợ vay	Số dư nợ vay đầu kỳ	Phát sinh Tăng	Phát sinh giảm	Số dư nợ vay cuối kỳ
Cty ĐTPT HT KCN	21.000.000.000	-	-	21.000.000.000
Vay DH đến hạn (-)	19.693.090.909	17.598.500.000	16.322.590.909	20.969.000.000
Cộng	40.693.090.909	17.598.500.000	16.322.590.909	41.969.000.000

(*) Chi tiết các khoản nợ vay ngắn hạn

Khoản vay của Công Ty CP Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng Khu Công Nghệ Cao Sài Gòn. Theo hợp đồng vay vốn số 14-2009/HĐVV, ngày 23/5/2009.

Lãi suất: 0,01%/ tháng

Thời hạn cho vay: 06 tháng, ngày đáo hạn 24/5/2010.

(**) Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả bao gồm

Ngân hàng TMCP Nam Việt (khoản vay 21 tỷ) : 20.969.000.000

Ngân Hàng Đầu Tư và PTVN CH Tp.HCM - dự án Kinh Bắc : 5.250.000.000

Ngân Hàng TMCP Miền Tây - dự án Kinh Bắc (khoản vay 35 tỷ) : 5.424.000.000

10.295.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

10.2 Phải trả người bán

	31/12/2009	01/01/2009
Nhà cung cấp trong nước	347.830.632.600	17.151.488.384
Công ty Cổ phần Xây dựng Descon	-	700.000.000
Tổng công ty Viễn Thông Quân Đội	134.493.797	83.148.645
Công ty TNHH TM TTNT Thành Vinh	-	100.000.000
Báo Sinh Viên Việt Nam	-	82.500.000
Công ty CP ĐT & PT Hạ tầng KCN Cao Sài Gòn	-	126.000.000
Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ Viễn thông CMC	242.088.000	-
Công ty Phát triển Công viên phần mềm Quang Trung	205.506.062	-
Trung tâm Dịch vụ Viễn Thông II	234.072.000.000	6.400.000.000
Công ty Dịch vụ Viễn thông Sài Gòn	93.000.000.000	-
Công ty viễn thông không dây VTC	205.282.007	-
Chi nhánh Công ty MCC tại Bắc Ninh	-	7.666.039.600
Công ty CP Kỹ thuật xây dựng và thương mại CET	1.152.200.000	347.000.000
Công ty CP Kết cấu thép số 5	901.838.945	-
Công ty CP Đầu tư Bình Minh	1.828.357.600	-
Đối tượng khác	16.088.866.189	1.646.800.139
Nhà cung cấp ngoài nước	666.971.744	1.170.775.853
Sonov Corporation	-	275.757.920
Quang Zhou Netgame Digital Technology LTD	249.430.819	895.017.933
NETDRAGON WEBSOFT (HONG KONG) LTD.	417.540.925	-
Cộng	348.497.604.344	18.322.264.237

10.3 Người mua trả tiền trước

	31/12/2009	01/01/2009
a) Người mua trả tiền trước	4.974.410.929	41.306.790.300
Viet Products Development J.S.C	1.176.929.600	-
Công ty Cổ phần Du Lịch Sài Gòn	-	41.007.312.300
Công ty Cổ phần Điện tử & Dịch vụ Công nghiệp	299.478.000	299.478.000
Các đối tượng khác	3.498.003.329	-
b) Doanh thu nhận trước	728.781.941	5.762.067.461
Công ty Cổ phần Phát triển Đô Thị Kinh Bắc	12.833.333	-
Các công ty khác	715.948.608	5.762.067.461
Cộng	5.703.192.870	47.068.857.761

10.4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2009	01/01/2009
Thuế giá trị gia tăng	7.920.057.349	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.286.144.101	2.027.212.685
Thuế thu nhập cá nhân	107.385.001	217.581.340
Các loại thuế khác	28.087.229	-
Cộng	12.341.673.680	2.244.794.025

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

10.5 Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
Lãi vay phải trả	8.320.309.792	1.589.611.778
Trích trước chi phí bản quyền game	366.990.939	-
Trích trước chi phí giá vốn hoạt động cho thuê lại đất và nhượng quyền sử dụng đất	205.268.732.803	138.947.023.950
Chi phí phải trả khác	658.877.408	974.111.728
Cộng	214.614.910.942	141.510.747.456

10.6 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
Kinh phí công đoàn	7.342.200	7.187.840
Bảo hiểm xã hội	21.439.046	41.236.378
Bảo hiểm y tế	3.155.000	2.294.400
Bảo hiểm thất nghiệp	416.600	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	217.011.284	159.426.137.828
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Kinh Bắc	-	156.000.000.000
Ông Đặng Thành Tâm	-	500.000.000
Công ty CP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn	-	2.859.780.384
Phải trả khác	217.011.284	66.357.444
Cộng	249.364.130	159.476.856.446

11 Nợ dài hạn

11.1 Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.160.300.823	1.449.698.831
Ngân hàng TMCP Miền Tây	135.208.125	135.208.125
Ngân hàng TMCP Nam Việt	221.730.600	221.730.600
Công ty Nhật Minh	-	332.564.000
Công ty TNHH GHP FAR EAST	803.362.098	760.196.106
Phải trả dài hạn khác	156.000.000.000	-
(*) Công ty CP Năng lượng Sài Gòn - Bình Định	156.000.000.000	-
Cộng	157.160.300.823	1.449.698.831

(*) Khoản đầu tư dài hạn vào dự án 300 A-B Nguyễn Tất Thành, phường 13, quận 4, Tp.HCM và 84 Hùng Vương Đà Nẵng.

11.2 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Vay ngân hàng (*)	176.767.543.545	129.469.909.091
Trái phiếu(**)	300.000.000.000	-
Cộng	476.767.543.545	129.469.909.091

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

(*) Chi tiết các khoản nợ vay ngân hàng

	31/12/2009	01/01/2009
(a) BIDV Bank	10.848.000.000	17.640.000.000
(b) NAVI Bank	41.376.000.000	44.000.000.000
(c) WESTERN Bank	31.502.500.000	60.000.000.000
(d) VIETIN BANK	114.010.043.545	27.523.000.000
Trừ vay dài hạn đến hạn	20.969.000.000	19.693.090.909
Cộng	176.767.543.545	129.469.909.091

Chi tiết các khoản nợ vay ngân hàng	Số dư nợ vay đầu kỳ	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	Số dư nợ vay cuối kỳ
BIDV BANK	17.640.000.000		6.792.000.000	10.848.000.000
NAVI BANK	44.000.000.000	-	2.624.000.000	41.376.000.000
WESTERN BANK	60.000.000.000	-	28.497.500.000	31.502.500.000
VIETIN BANK	27.523.000.000	91.987.043.545	5.500.000.000	114.010.043.545
Trừ vay DH đến hạn	19.693.090.909	17.598.500.000	16.322.590.909	20.969.000.000
Cộng	129.469.909.091	74.388.543.545	21.590.909.091	176.767.543.545

Khoản vay dài hạn 17.640.000.000 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Tp Hồ Chí Minh theo hợp đồng số 00310/2005/0000220 ngày 02 tháng 05 năm 2005, trong hạn mức tín dụng 55.200.000.000

- (a) VNĐ với lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng loại lãnh cuối kỳ + 3%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đền bù, giải toả, xây dựng cơ sở hạ tầng cho toàn bộ dự án Khu Công Nghiệp CNTT Kinh Bắc - Bắc Ninh, thời gian vay 84 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

- (b) Khoản vay dài hạn trên bao gồm:

Khoản vay dài hạn 21.000.000.000 Ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng số 080762/TDTH ngày 19 tháng 08 năm 2008, trong hạn mức tín dụng 21.000.000.000 VNĐ với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng loại lãnh lãi cuối kỳ và bậc thang cao nhất + 6,8%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án đầu tư xây dựng KCN Tân Phú Trung Củ Chi, thời gian vay 60 tháng (ân hạn 12 tháng - phần nợ gốc). Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay dài hạn 23.000.000.000 tại Ngân hàng TMCP Nam Việt theo hợp đồng số 070234 ngày 21 tháng 08 năm 2007, trong hạn mức tín dụng 40.000.000.000 VNĐ với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi 12 tháng loại bậc thang cao nhất + 2,84%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà xưởng chất lượng cao tại KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, Tp.HCM, thời gian vay 72 tháng (ân hạn 18 tháng - phần nợ gốc). Khoản vay này được bảo đảm bằng Quyền sử dụng đất của các lô đất tại KCN Tân Phú Trung, Củ Chi do Công ty Sài Gòn Tel làm chủ sở hữu.

- (c) Khoản vay dài hạn 35.000.000.000 tại Ngân hàng TMCP Miền Tây theo hợp đồng số 5203/2008/HĐTD-DN.HCM ngày 29 tháng 3 năm 2008, trong hạn mức tín dụng 35.000.000.000 VNĐ với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng loại lãnh cuối kỳ + 0,4%/tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: đền bù, san lấp KCN Đại Đồng Hoàn Sơn 1, tỉnh Bắc Ninh, thời gian vay 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Khoản vay dài hạn 25.000.000.000 từ Ngân hàng TMCP Miền Tây theo hợp đồng số 2007/HĐTD-DN ngày 18 tháng 10 năm 2007, trong hạn mức tín dụng 25.000.000.000 VNĐ với lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng + 3%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đền bù, giải toả 66 ha đất trong KCN Đại Đồng Hoàn Sơn 1, tỉnh Bắc Ninh, thời gian vay 07 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(d) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Công Thương Bắc Ninh, theo hợp đồng số 01/HĐTD-SGT năm 2008, trong hạn mức tín dụng 80.000.000.000 VNĐ với lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ tối thiểu 3,2%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công Nghiệp Đại Đồng Hoàn Sơn giai đoạn 61,59 ha. Thời hạn 36 tháng. Phương thức cho vay theo dự án đầu tư. Thời hạn rút tiền vay theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Công Thương Quế Võ theo hợp đồng số 01/HĐTD-SGT năm 2008, trong hạn mức tín dụng 80.000.000.000 VNĐ với lãi suất cho vay bằng tổng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng, trả lãi cuối kỳ và biên độ là 3,5%/năm. Mục đích sử dụng tiền vay: đầu tư xây dựng 50.000 m2 nhà xưởng tại khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn. Phương thức cho vay theo dự án đầu tư. Thời hạn rút tiền vay theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư. Khoản vay này được đảm bảo bằng chính tài sản hình thành từ vốn vay.

(**) Công ty phát hành trái phiếu không đảm bảo bằng tài sản nhằm mục đích huy động vốn tài trợ cho dự án Cụm Công nghiệp Nam Sông Hồng. Công ty đã phát hành thành công cho Ngân hàng TMCP Miền Tây với tổng số lượng trái phiếu phát hành: 300.000 trái phiếu, mệnh giá là 1.000.000 VNĐ/trái phiếu, thời hạn: 5 năm, lãi suất là 12,5%/năm (tiền lãi thanh toán định kỳ 1 lần vào thời điểm đáo hạn, bắt đầu sau 1 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu).

12 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu: xem trang 35

b) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm 2009	Năm 2008
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	585.000.000.000	450.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	87.749.980.000	135.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	672.749.980.000	585.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	87.749.980.000	135.000.000.000

c) Trong kỳ, công ty chia cổ tức năm 2008 bằng cổ phiếu.

	31/12/2009	01/01/2009
d) Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	67.274.998	58.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	67.274.998	58.500.000
Cổ phiếu thường	67.274.998	58.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu thường	310	5

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	67.274.688	58.499.995
Cổ phiếu thưởng	67.274.688	58.499.995
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/cổ phiếu.		
13 Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	31/12/2009	01/01/2008
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	253.912.516	690.159.273
Tổng cộng	253.912.516	690.159.273
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp		
Quỹ khen thưởng: Thưởng cho cán bộ công nhân viên trong công ty.		
Quỹ phúc lợi: Chi cho các hoạt động phúc lợi trong công ty.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2009	Năm 2008
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động thương mại, dịch vụ	233.885.475.087	750.081.602.501
Doanh thu hoạt động cho thuê văn phòng	5.364.554.718	6.110.382.423
Doanh thu cho thuê lại đất	19.772.177.700	39.181.400.000
Doanh thu bán nhà xưởng	123.270.900.000	288.832.000.000
Cộng	382.293.107.505	1.084.205.384.924
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	222.808.042.300
+ Hàng bán bị trả lại	-	222.808.042.300
Doanh thu thuần	382.293.107.505	861.397.342.624
2 Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hoạt động thương mại, dịch vụ	226.110.730.730	741.609.605.223
Giá vốn hoạt động cho thuê văn phòng	4.442.645.223	3.966.604.611
Giá vốn cho thuê lại đất	17.869.335.000	15.260.624.000
Giá vốn bán nhà xưởng	48.443.013.852	30.774.521.818
Cộng	296.865.724.805	791.611.355.652
3 Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	533.064.166	337.442.310
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.763.836.784	1.136.030.788
Cổ tức và lợi nhuận được chia	11.724.000.000	20.269.200.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.784.296	45.772.730
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đánh giá lại)	89.469.101	9.495.554
Cộng	15.114.154.347	21.797.941.382

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	Năm 2009	Năm 2008
4 Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	3.643.292.418	3.247.616.707
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	5.376.000.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	219.090.089	68.923.172
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đánh giá lại)	184.500.252	70.070.370
Chi phí tài chính khác	9.725.874	79.843.152
Cộng	4.056.608.633	8.842.453.401
5 Chi phí bán hàng		
Chi phí bằng tiền khác	33.789.636	171.506.465
Tổng Cộng	33.789.636	171.506.465
6 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	3.911.876.341	3.286.318.911
Chi phí vật liệu quản lý	-	427.262.920
Chi phí đồ dùng văn phòng	957.783.510	162.935.969
Chi phí khấu hao TSCĐ	566.409.369	648.547.032
Thuế, phí và lệ phí	96.350.629	9.418.803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.045.162.551	1.433.777.312
Chi phí bằng tiền khác	2.017.036.502	1.830.964.441
Cộng	10.594.618.902	7.799.225.388
7 Thu nhập khác		
Thu thanh lý tài sản cố định	940.367.722	7.242.576.448
Thu nhập khác	3.549.111	196.722.295
Cộng	943.916.833	7.439.298.743
8 Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản cố định	320.041.046	6.873.408.428
Chi phí tiền phạt vi phạm	1.327.370.091	-
Chi phí khác	1.765.700	441.597.146
Cộng	1.649.176.837	7.315.005.574
9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	85.151.259.872	74.895.036.269
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	95.900.000	225.250.379
- Các khoản điều chỉnh giảm	19.027.487.604	20.278.695.554
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	66.219.672.268	54.841.591.094

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	10% - 20% - 25%	10% - 20% - 28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	5.872.689.591	7.195.603.385
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	1.684.220.397	5.726.318.210
Điều chỉnh Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào Chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.188.469.194	1.469.285.175

10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2009	Năm 2008
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	80.961.035.189	73.422.683.602
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	80.961.035.189	73.422.683.602
Cổ phiếu cổ đông đang lưu hành bình quân trong kỳ	62.923.561	51.805.477
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.287	1.417

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh
- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: không phát sinh
- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không phát sinh.
- Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ: không phát sinh.
- Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các tổ chức, cá nhân có liên quan:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm Phải thu/ (Phải trả)
Ông Đặng Thành Tâm	Chủ tịch HĐQT	Trả tiền vay	500.000.000	-
Bà Đặng Thị Hoàng Phượng	Tổng giám đốc	Vay tiền Trả tiền vay	88.110.000.000 88.110.000.000	-
Ông Nguyễn Hoàng Ly	Tổng giám đốc Công ty CP DV TT Cộng đồng Việt	Tạm ứng công tác	786.794.417	5.000.000
Bà Hoàng Thị Lan Hương	Giám đốc chi nhánh Tân Tạo	Cho vay tiền Lãi cho vay phải thu	21.160.000.000 14.106.667	21.160.000.000 14.106.667
Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc	Cổ đông	Bán dịch vụ Web hosting, hệ thống mạng cáp thông tin	1.143.213.234	151.874.741
Công ty Cổ Phần Truyền Thông VTC - Saigon Tel	Công ty con	Thu chi hộ	4.500.000	8.814.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Viễn Đông	Công ty con	Góp vốn	80.870.000.000	130.670.000.000
Viện Công Nghệ Viễn Thông Sài Gòn	Công ty liên kết	Góp vốn Thu lại vốn góp Mua TSCĐ (xe Inova) Chi phí thiết kế website theo HĐ TKWEB/09030201	830.000.000 3.835.212.000 429.179.517	- - -
Công ty CP Khoáng Sản Sài Gòn Quy Nhơn	Công ty liên quan	Góp vốn đầu tư dài hạn Phải trả khác	20.000.000.000 2.859.780.384	220.000.000.000 -
Công ty CP Năng lượng Sài Gòn - Bình Định	Công ty liên quan	Phải trả dài hạn khác	156.000.000.000	156.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

4 Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai

5 Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình kinh doanh.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2008
Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	49,19	17,77
Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản	%	50,81	82,23
Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	62,33	44,46
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng NV	%	37,67	62,34
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,60	2,25
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,59	0,53
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,72	0,13
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên DT	%	22,27	6,91
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên DT	%	21,18	6,77
Tỷ suất lợi nhuận trên Tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / TTS	%	4,22	6,14
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / TTS	%	4,01	6,02
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / NVCSH	%	10,86	10,90

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 2 năm 2010

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ MỸ HẠNH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



HOÀNG SĨ HÓA

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Máy móc thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Số dư đầu năm	38.708.595.128	14.404.390.874	2.323.763.476	1.022.402.898	56.459.152.376
- Mua trong năm	-	155.043.654	1.561.153.299	80.648.759	1.796.845.712
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Tặng khác		53.661.546			53.661.546
- Thanh lý, nhượng bán		88.042.036	704.284.000		792.326.036
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	38.708.595.128	14.525.054.038	3.180.632.775	1.103.051.657	57.517.333.598
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	486.357.272	2.749.134.478	722.007.451	530.236.946	8.464.806.455
- Khấu hao trong năm	1.559.992.056	2.212.891.844	367.401.592	170.197.581	4.310.483.073
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Tặng khác		53.661.546			53.661.546
- Thanh lý, nhượng bán		57.780.224	449.498.974		507.279.198
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	2.046.349.328	4.957.907.644	639.910.069	700.434.527	12.321.671.876
Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
- Tại ngày đầu năm	38.222.237.856	11.655.256.396	1.601.756.025	492.165.952	47.994.345.921
- Tại ngày cuối năm	36.662.245.800	9.567.146.394	2.540.722.706	402.617.130	45.195.661.722

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 VND.

* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.886.577.935 VND

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không.

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 12.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm kế toán	TSVH khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm			1.557.922.812	-	1.557.922.812
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ DN	-	-	-	-	-
- Tăng DO hợp nhất KD	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm			1.557.922.812		1.557.922.812
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm			57.860.599		57.860.599
- Khấu hao trong năm	-	-	229.600.776	-	229.600.776
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm			287.461.375		287.461.375
Giá trị còn lại	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm	-	-	1.500.062.213	-	1.500.062.213
Số dư cuối năm	-	-	1.270.461.437	-	1.270.461.437

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG SÀI GÒN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
-Số dư đầu năm trước	450.000.000.000	-	-		151.491.419.632	601.491.419.632
-Tăng vốn trong năm trước	135.000.000.000	-	-	-	(135.000.000.000)	-
-Lãi trong năm trước	-	-	-	-	73.422.683.602	73.422.683.602
-Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	(50.000)	-	(50.000)
- Chi quỹ	-	-	-	-	-	-
-Tạm trích quỹ khen thưởng trong năm	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
-Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-	-
-Số dư cuối năm trước Số dư đầu năm nay	585.000.000.000	-	-	(50.000)	87.914.103.234	672.914.053.234
-Tăng vốn trong năm nay	87.749.980.000	-	-	-	(87.749.980.000)	-
-Lãi trong năm nay	-	-	-	-	80.961.035.189	80.961.035.189
-Tăng khác	-	-	-	(3.050.000)	-	(3.050.000)
-Chi quỹ	-	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	(8.920.111.247)	(8.920.111.247)
-Số dư cuối năm nay	672.749.980.000	-	-	(3.100.000)	72.205.047.176	744.951.927.176